TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2024/KDTM-ST
Ngày 19 tháng 02 năm 2024
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Hữu Tấn - Ông Lê Thành Thật

Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Nhựt - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/2015/TLST-KDTM, ngày 10 tháng 6 năm 2015 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 679/2023/QĐXXST-KDTM, ngày 19 tháng 12 năm 2023; Quyết định Hoãn phiên tòa số: 30/2024/QĐST-KDTM, ngày 19 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng P.

Địa chỉ trụ sở chính: Số B, C, Quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Đào Quang T - Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh T1 - Giám đốc chi nhánh Ngân hàng P khu vực Đồng Tháp-An Giang. Văn bản ủy quyền ngày 27/6/2019.

Đại diện theo ủy quyền lại: Ông Nguyễn Thành D - Trưởng phòng Kiểm tra Chi nhánh Ngân hàng P khu vực Đồng Tháp - An Giang. Văn bản ủy quyền ngày 03/7/2019. Địa chỉ liên hệ: Số H N, phường M, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho Ngân hàng P: Ông Trần Tiến V thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang. Địa chỉ: Số B T, phường M, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Có mặt.

Bị đơn: Công ty Cổ phần A.

Địa chỉ Công ty: Số I đường H, phường M, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lưu T2 - Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần, mã doanh nghiệp: 1600673418, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 04/9/2013. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

1. Công ty Cổ phần T4 - An Giang.

Địa chỉ Công ty: Ấp T, xã T, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lưu T2 - Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Vắng mặt.

2. Ông Lưu T2, sinh năm 1971. Địa chỉ: C khu phố A, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các lời khai trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa ông Nguyễn Thành D đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng P trình bày:

Giữa Ngân hàng P (sau đây gọi là Ngân hàng) và Công ty Cổ phần A (sau đây gọi là Công ty) có xác lập các hợp đồng tín dụng xuất khẩu, gồm: Hợp đồng tín dụng số 88/2011/HĐTDXK-NHPT AG ngày 25/3/2011; số 93/2011/HĐTDXK-NHPT AG ngày 28/3/2011; số 103/2011/HĐTDXK-NHPT AGI ngày 08/4/2011; số 109/2011/HĐTDXK-NHPT AGI ngày 20/4/2011; số 129/2011/HĐTDXK-NHPT AGI ngày 20/5/2011; số 05/2011/HĐXKHM-NHPT-AGI ngày 20/7/2011; số 65/2013/HĐTDXK-NHPT-ĐT.AG ngày 17/5/2013; số 91/2013/HĐTDXK-NHPT-ĐT.AG ngày 24/6/2013; số 94/2013/HĐTDXK-NHPT-ĐT.AG ngày 26/6/2013; số 96/2013/HĐTDXK-NHPT-ĐT.AG ngày 02/7/2013; số 98/2013/HĐTDXK-NHPT-ĐT.AG ngày 10/7/2013; số 112/2013/HĐTDXK-NHPT-ĐT.AG ngày 01/8/2013; số 123/2013/HĐTDXK-NHPT-ĐT.AG ngày 21/8/2013; số 144/2013/HĐTDXK-NHPT-ĐT.AG ngày 24/9/2013; số 153/2013/HĐTDXK-NHPT-ĐT.AG ngày 10/10/2013; số 194/2013/HĐTDXK-NHPT-ĐT.AG ngày 27/12/2013.

Tài sản bảo đảm cho tiền vay là tài sản thế chấp theo các hợp đồng thế chấp:

Hợp đồng thế chấp tài sản số 03/2011/HĐTCTS-NHPT-AGI ngày 31/8/2011 giữa chi nhánh Ngân hàng P (nay là chi nhánh Ngân hàng P - An Giang) và Công ty Cổ phần A, đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm Đăng ký giao dịch tài sản Thành phố H.

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01/2013/HĐTCQSDĐ-NHPT-ĐT.AG ngày 15/01/2013 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01/2014/SĐBS/HĐTCQSDĐ-

NHPT-ĐTAG ngày 01/07/2014 giữa chi nhánh Ngân hàng P khu vực Đồng Tháp - An Giang với Công ty Cổ phần T4 và Công ty Cổ phần A, công chứng và đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất tại Văn phòng Đăng ký đất và Thông tin Tài nguyên Môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang.

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 02/2013/HĐTCQSDĐ-NHPT.ĐT-AG ngày 24/01/2013 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 02/2014/SĐBS/HĐTCQSDĐ-NHPT-ĐTAG ngày 01/7/2014 đã ký giữa chi nhánh Ngân hàng P khu vực Đồng Tháp - An Giang với Công ty Cổ phần T4 và Công ty Cổ phần A.

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 03.AX/2013/HĐTCQSDĐ-NHPT.ĐT-AG ngày 12/6/2013 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 03.AX/2014/SĐBS/HĐTCQSDĐ-NHPT-ĐT.AG ngày 02/7/2014 ký giữa chi nhánh Ngân hàng P khu vực Đồng Tháp - An Giang với bà Nguyễn Thị Tuyết V1 và Công ty Cổ phần A, đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất tại Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 04/2014/HĐTCQSDĐ-NHPT-ĐTAG ngày 08/3/2014 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 04/2014/SĐBS/HĐTCQSDĐ-NHPT-ĐTAG ngày 02/7/2014 đã ký giữa chi nhánh Ngân hàng P khu vực Đồng Tháp - An Giang với ông Lưu T2 và Công ty Cổ phần A, công chứng và đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất tại Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 06/2014/HĐTCQSDĐ-NHPT-ĐTAG ngày 08/3/2014 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 06/2014/SĐBS/HĐTCQSDĐ-NHPT-ĐTAG ngày 02/7/2014 đã ký giữa chi nhánh Ngân hàng P khu vực Đồng Tháp - An Giang với ông Lưu T2 và Công ty Cổ phần A, công chứng và đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 07/2014/HĐTCQSDĐ-NHPT-ĐTAG ngày 08/3/2014 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 07/2014/SĐBS/HĐTCQSDĐ-NHPT-ĐTAG ngày 02/7/2014 đã ký giữa chi nhánh Ngân hàng P khu vực Đồng Tháp - An Giang với ông Lưu T2 và Công ty Cổ phần A, công chứng và đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất tại Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty Cổ phần A thuộc đối tượng được vay vốn tín dụng xuất khẩu của Nhà nước, quy định tại mục I - nhóm hàng nông, lâm, thuỷ sản thuộc Danh mục mặt hàng vay vốn tín dụng xuất khẩu ban hành kèm theo Nghị định số 151/2006/NĐ-CP ngày 20/12/2006 và Nghị định số 75/2011/NĐ-CP ngày 30/8/2011 của Chính phủ về tín dụng đầu tư và tín dụng xuất khẩu của Nhà nước với mức vốn vay 54.350.000.000

đồng. Ngân hàng P đã giải ngân cho Công ty Cổ phần A theo 16 hợp đồng tín dụng xuất khẩu với số tiền 54.350.000.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng P khởi kiện yêu cầu Công ty Cổ phần A có trách nhiệm trả nợ gốc 48.200.000.000 đồng và lãi tạm tính đến ngày 20/01/2015 là 7.746.826.964 đồng và phần lãi phát sinh trên nợ gốc cho đến ngày bị đơn trả hết nợ theo hợp đồng tín dụng và tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp nêu trên để thi hành án.

Tuy nhiên, sau khi được sự thống nhất của Ngân hàng P về việc tạm dừng tính lãi cho Công ty Cổ phần A từ ngày 18/3/2015, nên Ngân hàng P rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với Công ty Cổ phần A về việc trả nợ gốc 2.400.000.000 đồng trong tổng nợ gốc 48.200.000.000 đồng và nợ lãi phát sinh sau ngày 18/3/2015.

Tại phiên tòa, đại diện ủy quyền nguyên đơn trình bày rút yêu cầu khởi kiện về tiền lãi phạt chậm trả với số tiền 727.575.502 đồng. Theo đó, tổng nợ vốn và lãi Ngân hàng P yêu cầu Công ty Cổ phần A trả là 54.373.456.875 đồng. Trong đó nợ gốc 45.800.000.000 đồng; nợ lãi 8.573.456.875 đồng (lãi trong hạn 6.091.074.167 đồng; lãi phạt trên nợ gốc quá hạn 2.482.382.708 đồng).

Trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01/2013/HĐTCQSDĐ-NHPT-ĐT.AG ngày 15/01/2013 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01/2014/SĐBS/HĐTCQSDĐ-NHPT-ĐT.AG ngày 01/7/2014 về việc thế chấp quyền sử dụng đất (BC 418154) và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 02/2013/HĐTCQSDĐ-NHPT.ĐT-AG ngày 24/01/2013 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 02/2014/SĐBS/HĐTCQSDĐ-NHPT-ĐTAG ngày 01/7/2014 về việc thế chấp quyền sử dụng đất (BC 418155) để thi hành án.

Các hợp đồng thế chấp còn lại nêu trên, nguyên đơn không yêu cầu giải quyết.

Quá trình tố tụng ông Lưu T2 đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần A và Công ty Cổ phần T4 - An Giang đồng thời cũng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mặc dù được niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng P, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

** Luật sư Trần Tiến V bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử:*

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng P buộc Công ty Cổ phần A chịu trách nhiệm trả tiền vốn và tiền lãi là 54.373.456.875 đồng.

- Đề nghị xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo thi hành án, gồm:

+ Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01/2013/HĐTCQSDĐ-NHPT-

ĐT.AG ngày 15/01/2013 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01/2014/SĐBS/HĐTCQSDĐ-NHPT-ĐT.AG ngày 01/7/2014 về việc thế chấp quyền sử dụng đất (BC 418154);

+ Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 02/2013/HĐTCQSDĐ-NHPT.ĐT-AG ngày 24/01/2013 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 02/2014/SĐBS/HĐTCQSDĐ-NHPT-ĐTAG ngày 01/7/2014 về việc thế chấp quyền sử dụng đất (BC 418155).

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện nguyên đơn đã rút về khoản vốn, lãi theo khởi kiện ban đầu như đại diện ủy quyền nguyên đơn trình bày và rút yêu cầu về tiền lãi phạt chậm trả lãi với số tiền 727.575.502 đồng.

- Đình chỉ xét xử đối với các tài sản thế chấp Ngân hàng không yêu cầu.

* Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thống nhất ý kiến của Luật sư, không tranh luận bổ sung.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của đương sự như sau:

Thẩm phán chấp hành đúng quy định tại Điều 48 BLTTDS. Xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp quy định tại khoản 1 Điều 30 BLTTDS, thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền. Văn bản tố tụng được thực hiện đúng quy định tại Điều 171, 175, 177, 179 BLTTDS. Hội đồng xét xử, Thư ký tuân theo đúng quy định về xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71, 86 BLTTDS. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, 72, 73 BLTTDS.

Ý kiến về nội dung vụ án: căn cứ các Điều 342, 348, 351, 355, 471, 474, 478 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 01 ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với yêu cầu số tiền vốn gốc 2.400.000.000 đồng; yêu cầu duy trì các hợp đồng thế chấp Hợp đồng thế chấp tài sản số 03/2011/HDTCTS-NHPT-AGI ngày 31/08/2011; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 03.AX/2013/HDTCQSDD-NHPT-ĐT.AG ngày 12/06/2013; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 04/2014/HDTCQSDD- NHPT-ĐTAG ngày 08/03/2014; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 06/2014/HĐTCQSDD- NHPT-ĐTAG ngày 08/3/2014; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 07/2014/HDTCQSDD- NHPT-ĐTAG ngày 08/3/2014.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Buộc Công ty A thực hiện nghĩa vụ trả tổng số tiền tính đến ngày 17/3/2015 là 54.373.456.875 đồng, trong đó nợ gốc 45.800.000.000 đồng, lãi trong hạn 6.091.074.167 đồng, lãi quá hạn 2.482.382.708

đồng.

Trường hợp Công ty A không thanh toán khoản nợ gốc, nợ lãi nêu trên thì tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01/2013/IDTCQSDD-NHPT-DT.AG ngày 15/01/2013 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01/2014/SDBS/HDTCQSDD-NHPT- ĐT.AG ngày 01/7/2014; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 02/2013/HĐTCQSDD-NHPT.DT-AG ngày 24/01/2013 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 02/2014/SDBS/HDTCQSDD-NHPT- ĐTAG ngày 01/7/2014 được xử lý theo quy định theo quy định pháp luật để đảm bảo thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Ngân hàng P khởi kiện Công ty Cổ phần A. Công ty Cổ phần A có địa chỉ kinh doanh tại phường M, thành phố Long Xuyên. Nguyên đơn và bị đơn có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận, nên Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, ngoài các đương sự tham gia tố tụng nêu trên trong vụ án còn có bà Nguyễn Thị Tuyết V1, ông Trần Thanh H, bà Đoàn Thị H1, ông Ong Quốc D1, bà Nguyễn Thị Kim T3 tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Theo Bản tự khai ngày 08/8/2023 nguyên đơn trình bày giữa Ngân hàng và các ông bà trên là chủ sở hữu sử dụng các tài sản thế chấp đã thống nhất xử lý để thu hồi nợ, Ngân hàng P không yêu cầu giải quyết đối với các tài sản thế chấp có liên quan đến người liên quan trên và đề nghị Tòa án đưa bà Nguyễn Thị Tuyết V1, ông Trần Thanh H, bà Đoàn Thị H1, ông Ong Quốc D1, bà Nguyễn Thị Kim T3 ra khỏi vụ án, không tiếp tục tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vì không còn liên quan về quyền lợi, nghĩa vụ trong vụ án này.

Theo đó, ngày 23/10/2023 Tòa án ban hành thông báo số 920/TB-TA thông báo về việc chấm dứt tham gia tố tụng trong vụ án đối với những người liên quan nêu trên.

[1.3]. Tại phiên tòa được mở lần thứ hai có mặt đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do. Những người tham gia tố tụng có mặt không yêu cầu hoãn phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung: Ngân hàng P và Công ty A có xác lập các hợp đồng tín dụng xuất khẩu, gồm: Hợp đồng tín dụng số 88/2011/HĐTDXK-NHPT AG ngày 25/3/2011; số 93/2011/HĐTDXK-NHPT AG ngày 28/3/2011; số 103/2011/HĐTDXK-NHPT AGI ngày 08/4/2011; số 109/2011/HĐTDXK-NHPT AGI ngày 20/4/2011; số 129/2011/HĐTDXK-NHPT AGI ngày 20/5/2011; số 05/2011/HĐXKHM-NHPT-AGI ngày 20/7/2011; số 65/2013/HĐTDXK-NHPT-ĐT.AG ngày 17/5/2013; số 91/2013/HĐTDXK-NHPT-ĐT.AG ngày 24/6/2013; số 94/2013/HĐTDXK-NHPT-ĐT.AG ngày 26/6/2013; số 96/2013/HĐTDXK-NHPT-ĐT.AG ngày 02/7/2013; số 98/2013/HĐTDXK-NHPT-ĐT.AG ngày 10/7/2013; số 112/2013/HĐTDXK-NHPT-ĐT.AG ngày 01/8/2013; số 123/2013/HĐTDXK-NHPT-ĐT.AG ngày 21/8/2013; số 144/2013/HĐTDXK-NHPT-ĐT.AG ngày 24/9/2013; số 153/2013/HĐTDXK-NHPT-ĐT.AG ngày 10/10/2013; số 194/2013/HĐTDXK-NHPT-ĐT.AG ngày 27/12/2013. Ngân hàng P đã giải ngân cho Công ty Cổ phần A đủ số tiền theo định mức 54.350.000.000 đồng.

Tài sản bảo đảm cho tiền vay là tài sản thế chấp theo các hợp đồng thế chấp:

Hợp đồng thế chấp tài sản số 03/2011/HĐTCTS-NHPT-AGI ngày 31/8/2011 giữa chi nhánh Ngân hàng P (nay là chi nhánh Ngân hàng P - An Giang) và Công ty Cổ phần A; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01/2013/HĐTCQSDĐ-NHPT-ĐT.AG ngày 15/01/2013 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01/2014/SĐBS/HĐTCQSDĐ-NHPT-ĐTAG ngày 01/07/2014 giữa chi nhánh Ngân hàng P khu vực Đồng Tháp - An Giang với Công ty Cổ phần T4 và Công ty Cổ phần A; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 02/2013/HĐTCQSDĐ-NHPT.ĐT-AG ngày 24/01/2013 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 02/2014/SĐBS/HĐTCQSDĐ-NHPT-ĐTAG ngày 01/7/2014 đã ký giữa chi nhánh Ngân hàng P khu vực Đồng Tháp - An Giang với Công ty Cổ phần T4 và Công ty Cổ phần A; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 03.AX/2013/HĐTCQSDĐ-NHPT.ĐT-AG ngày 12/6/2013 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 03.AX/2014/SĐBS/HĐTCQSDĐ-NHPT-ĐT.AG ngày 02/7/2014 ký giữa chi nhánh Ngân hàng P khu vực Đồng Tháp - An Giang với bà Nguyễn Thị Tuyết V1 và Công ty Cổ phần A; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 04/2014/HĐTCQSDĐ-NHPT-ĐTAG ngày 08/3/2014 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 04/2014/SĐBS/HĐTCQSDĐ-NHPT-ĐTAG ngày 02/7/2014 đã ký giữa chi nhánh Ngân hàng P khu vực Đồng Tháp - An Giang với ông Lưu T2 và Công ty Cổ phần A; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 06/2014/HĐTCQSDĐ-NHPT-ĐTAG ngày 08/3/2014 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 06/2014/SĐBS/HĐTCQSDĐ-NHPT-ĐTAG ngày 02/7/2014 đã ký giữa chi nhánh Ngân hàng P khu vực Đồng Tháp - An Giang với ông Lưu T2 và Công ty Cổ phần A; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 07/2014/HĐTCQSDĐ-NHPT-ĐTAG ngày

08/3/2014 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 07/2014/SĐBS/HĐTCQSDĐ-NHPT-ĐTAG ngày 02/7/2014 đã ký giữa chi nhánh Ngân hàng P khu vực Đồng Tháp - An Giang với ông Lưu T2 và Công ty Cổ phần A.

Do bị đơn không thanh toán theo hợp đồng nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Công ty Cổ phần A trả nợ gốc 48.200.000.000 đồng và lãi tạm tính đến ngày 20/01/2015 là 7.746.826.964 đồng và phần lãi phát sinh trên nợ gốc cho đến ngày bị đơn trả hết nợ theo hợp đồng tín dụng.

Sau đó, được sự thống nhất của Ngân hàng P về việc tạm dừng tính lãi cho Công ty Cổ phần A từ ngày 18/3/2015 nên Ngân hàng rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với Công ty A về khoản nợ gốc 2.400.000.000 đồng trong tổng nợ gốc 48.200.000.000 đồng và nợ lãi phát sinh sau ngày 18/3/2015.

Tại phiên tòa, đại diện ủy quyền nguyên đơn trình bày rút yêu cầu khởi kiện về tiền lãi phạt chậm trả với số tiền 727.575.502 đồng. Theo đó, tổng nợ vốn và lãi Ngân hàng P yêu cầu Công ty Cổ phần A trả là 54.373.456.875 đồng. Trong đó nợ gốc 45.800.000.000 đồng; nợ lãi 8.573.456.875 đồng (lãi trong hạn 6.091.074.167 đồng; lãi phạt trên nợ gốc quá hạn 2.482.382.708 đồng).

Yêu cầu xử lý tài sản thế chấp số 01/2013/HĐTCQSDĐ-NHPT-ĐT.AG ngày 15/01/2013, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01/2014/SĐBS/HĐTCQSDĐ-NHPT-ĐT.AG ngày 01/7/2014 về thế chấp quyền sử dụng đất (BC 418154); Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 02/2013/HĐTCQSDĐ-NHPT.ĐT-AG ngày 24/01/2013, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 02/2014/SĐBS/HĐTCQSDĐ-NHPT-ĐTAG ngày 01/7/2014 về thế chấp quyền sử dụng đất (BC 418155) để thi hành án. Các hợp đồng thế chấp còn lại nêu trên, nguyên đơn không yêu cầu giải quyết.

[3] Quá trình tố tụng ông Lưu T2 là người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần A và Công ty Cổ phần T4 đồng thời cũng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chính đương sự trong vụ án.

[4] Qua lời trình bày của đại diện theo ủy quyền nguyên đơn, Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn và xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ nhận thấy, Tòa án đã thực hiện thủ tục niêm yết, tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do, không đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải; không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, không cung cấp các tài liệu, chứng cứ có liên quan nhằm phản đối yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là các đương sự đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ của đương sự quy định tại khoản 5 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai

chứng cứ, hòa giải. Tòa án thực hiện thủ tục tố tụng thông báo kết quả phiên kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho bị đơn, người liên quan để thực hiện quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định, nhưng bị đơn, người liên quan vẫn không nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không yêu cầu Tòa án thu thập tài liệu, chứng cứ hoặc yêu cầu triệu tập người tham gia tố tụng nào khác khi giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ các hợp đồng tín dụng xuất khẩu, hợp đồng thế chấp nêu trên và thông báo của Ngân hàng P thông báo cho Công ty Cổ phần A về việc thu nợ tiền vay (gốc và lãi) tín dụng ngắn hạn xuất khẩu chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng P đối với Công ty Cổ phần A.

Xét yêu cầu của Ngân hàng P về việc rút yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn khoản nợ gốc 2.400.000.000 đồng và nợ lãi sau thời điểm chấp nhận ngưng lãi cho bị đơn từ ngày 18/3/2015, rút yêu cầu lãi phạt chậm trả với số tiền 727.575.502 đồng và rút yêu cầu xử lý đối với các tài sản thế chấp để thi hành án là sự tự nguyện của nguyên đơn, có lợi cho bị đơn, phù hợp Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về chi phí tố tụng: Ngân hàng đã tạm nộp 8.000.000 đồng chi phi tố tụng xem xét thẩm định tại chỗ, thực chi 5.400.000 đồng, đã hoàn lại nguyên đơn 2.600.000 đồng. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn có nghĩa vụ hoàn trả cho nguyên đơn 5.400.000 đồng chi phi tố tụng.

[6] Về án phí: Công ty Cổ phần A chịu án phí theo quy định trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn.

Ngân hàng P được nhận lại tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 5; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 244; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng 2010; Điều 6; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 2, Điều 6; Điều 7; Điều 7a; 7b; Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng P đối với Công ty Cổ phần A. Buộc Công ty Cổ phần A chịu trách nhiệm trả cho Ngân hàng P 54.373.456.875đ (Năm mươi bốn tỷ, ba trăm bảy mươi ba triệu, bốn trăm năm mươi sáu nghìn, tám trăm bảy mươi lăm đồng).

2. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng P về việc yêu cầu Công ty Cổ phần A trả vốn gốc 2.400.000.000đ (Hai tỷ bốn trăm triệu đồng), nợ lãi phát sinh sau ngày 18/3/2015 và tiền lãi phạt chậm trả 727.575.502đ (Bảy trăm hai mươi bảy triệu, năm trăm bảy mươi lăm nghìn, năm trăm lẻ hai đồng).

3. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng P về việc yêu cầu duy trì các hợp đồng thế chấp gồm: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 04/2014/HĐTCQSDĐ-NHPT-ĐTAG, ngày 08/3/2014 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 04/2014/SĐBS/HĐTCQSDĐ-NHPT-ĐTAG, ngày 02/7/2014; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 06/2014/HĐTCQSDĐ-NHPT-ĐTAG, ngày 08/3/2014 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 06/2014/SĐBS/HĐTCQSDĐ-NHPT-ĐTAG, ngày 02/7/2014; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 07/2014/HĐTCQSDĐ-NHPT-ĐTAG, ngày 08/3/2014 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 07/2014/SĐBS/HĐTCQSDĐ-NHPT-ĐTAG, ngày 02/7/2014; Hợp đồng thế chấp tài sản số 03/2011/HĐTCTS-NHPT-AGI, ngày 31/8/2011; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 03.AX/2013/HĐTCQSDĐ-NHPT.ĐT-AG, ngày 12/6/2013 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 03.AX/2014/SĐBS/HĐTCQSDĐ-NHPT-ĐT.AG, ngày 02/7/2014;

4. Trường hợp Công ty Cổ phần A không thanh toán nợ hoặc thanh toán nợ không đầy đủ thì Ngân hàng P có quyền làm đơn yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp quyền sử dụng đất số 01/2013/HĐTCQSDĐ-NHPT-ĐT.AG ngày 15/01/2013 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01/2014/SĐBS/HĐTCQSDĐ-NHPT-ĐT.AG ngày 01/7/2014 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 02/2013/HĐTCQSDĐ-NHPT.ĐT-AG ngày 24/01/2013 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 02/2014/SĐBS/HĐTCQSDĐ-NHPT-ĐTAG ngày 01/7/2014 để thi hành án.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty Cổ phần A phải chịu 162.373.457 đồng án phí.

Ngân hàng P được nhận lại 81.973.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002806, ngày 08/6/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Hoa

Nơi gởi:
- Tòa án ND tỉnh An Giang;
- VKS ND TPLX;
- Thi hành án DS TPLX;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ - VP;